

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN TRE
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số:172/2017/DS-ST

Ngày: 08/11/2017

V/v: Tranh chấp hụi

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Lan

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Thôi

2. Ông Nguyễn Thành Tâm

Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đình Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Ngọc Điệp – Kiểm sát viên.

Trong các ngày 07 và 08 tháng 11 năm 2017 tại phòng xét xử Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử công khai vụ án dân sự thụ lý số: 65/2017/TLST-DS ngày 15 tháng 3 năm 2017 về việc “Tranh chấp hụi”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 151/2017/QĐST- DS ngày 15/8/2017. Giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Phương T, sinh năm 1976. (có mặt)

Trú tại: khu phố 3, phường Ph, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn:* Bà Phạm Thị Ng, sinh năm 1963 (vắng mặt)

Trú tại: xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan :*

Ông Trần Văn Đ, sinh năm 1973

Trú tại: khu phố B, phường H, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Tạm trú : khu phố 3, phường Ph, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 06/3/2017, bản tự khai cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Phương T trình bày:

Vào khoản thời gian năm 2014, 2015 do quan hệ quen biết bà T có tham gia nhiều dây hụi do bà Phạm Thị Ng làm chủ hụi, cụ thể như sau:

- Ngày 01/7/2014 bà Ng mở dây hụi 3.000.000 đồng, khai mỗi tháng 2 lần bà T tham gia 01 phần, đóng được 18 kỳ, số tiền là 54.000.000đồng

- Ngày 15/5/2014 bà Ng mở dây hụi 5.000.000 đồng, mỗi tháng khai 2 lần, bà T tham gia 01phần, đóng được 22 kỳ , số tiền là 110.000.000 đồng.

- Ngày 09/12/2014 bà Ng mở dây hụi 5.000.000, mỗi tháng khai 2 lần, bà tham gia 01 phần, đóng được 8 lần, số tiền đã đóng là 40.000.000đồng.

- Ngày 04/9/2014 bà Ng mở dây hụi 10.000.000đồng, mỗi tháng khai hụi một lần, bà T tham gia 01phần, đóng được 8 lần số tiền là 80.000.000đồng.

Đến ngày 9/3/2015 bà Ng tuyên bố ngưng hụi và có đến quán cà phê Thiên T của vợ chồng bà viết giấy chốt lại số tiền nợ hụi là 284.000.000 đồng, bà Ng có mượn thêm bà T 1.000.000 đồng nên số tiền được cộng lại là 285.000.000 đồng. Sau đó bà Ng có trả cho bà T 9.000.000 đồng, theo giấy nhận nợ hụi này vợ chồng bà T có hứa sẽ giảm bớt cho bà Ng số tiền là 35.000.000 đồng như vậy bà Ng còn nợ vợ chồng bà T số tiền là 241.000.000đồng theo giấy nhận nợ hụi ngày 9/3/2015.

Ngoài các phần hụi tham gia trên, vợ chồng bà còn mua của bà Ng 02 phần hụi:

- Ngày 01/7/2014 bà Ng bán cho bà T một phần hụi dây hụi 3.000.000 đồng với số tiền là 49.650.000 đồng cũng tại quán cà phê Thiên Thanh bà Ng có ký xác nhận khi nhận số tiền trên.

- Ngày 09/12/2014 bà Ng bán cho bà một phần hụi dây hụi 5.000.000đồng với số tiền là 67.900.000 đồng, bà Ng cũng viết giấy mua hụi và ký nhận tiền.

Đối với hai phần hụi mua vợ chồng bà T đã có yêu cầu bà Ng tổng kết ghi vào giấy nhận nợ ngày 9/3/2015 nhưng bà Ng không đồng ý với lý do các phần hụi mua của vợ chồng bà T bà Ng đã có làm giấy riêng.

Từ khi ngưng hụi bà T đã nhiều lần thương lượng và đồng ý tạo điều kiện cho bà Ng trả dần cho bà số tiền trên, thời gian đầu bà T còn gặp được bà Ng nhưng thời gian sau này thì bà Ng bỏ địa phương đi đâu không biết, hiện tại bà T cũng không biết bà Ng đang ở đâu nhưng theo địa chỉ khi bà T với bà Ng giao kết hụi thì nhà của bà Ng là tại số 575 ấp Phú Tự, xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Bà T khởi kiện yêu cầu bà Phạm Thị Ng phải trả cho bà tổng số tiền của phần tiền tham gia hụi là 241.000.000 đồng và tiền mua 02 phần hụi là 117.550.000 đồng. Tổng số tiền bà T yêu cầu là 358.550.000 đồng, bà T không yêu cầu tính lãi số tiền trên.

Ngoài ra bà T không có yêu cầu gì khác.

Bị đơn bà Phạm Thị Ng vắng mặt tại phiên tòa nên không có lời trình bày.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn Đ trình bày: Ông và bà T là vợ chồng, vào khoảng thời gian năm 2014, 2015 bà Ng có nhiều lần đến quán cà phê Thiên Thanh của vợ chồng ông mở hội, ông có biết việc vợ ông có tham gia các dây hội do bà Ng làm đầu thảo, thời gian khoảng tháng 3/2015 thì bà Ng ngưng hội, sau đó bà Ng có làm giấy chốt lại số tiền nợ hội với vợ chồng ông số tiền là 258.550.000 đồng, theo lời hứa ông đồng ý giảm bớt số tiền 35.000.000 đồng theo giấy ghi nợ ngày 09/3/2015, ngoài ra vợ ông còn mua 02 phần hội của bà Ng, tổng số tiền bà Ng còn nợ vợ chồng ông là 358.550.000 đồng, ông đồng ý với yêu cầu của vợ ông là yêu cầu bà Ng trả số 358.550.000 đồng và không yêu cầu tính lãi.

Ngoài ra ông không có yêu cầu gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- *Ý kiến về việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng:* Về cơ bản vụ án đã được tiến hành đúng theo trình tự pháp luật qui định đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của các bên đương sự.

- *Ý kiến về việc giải quyết vụ án:* Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị Phương T buộc bà Ng trả cho bà T số tiền 250.000.000 đồng theo giấy kết hội ngày 09/3/2015 sau khi đi trừ đi số tiền 9.000.000 đồng mà bà T thừa nhận bà Ng đã trả, số tiền bà Ng phải tiếp tục trả là 241.000.000 đồng. Bác một phần yêu cầu đối với số tiền của hai tờ mua hội ngày 01/7/2014 và ngày 13/12/2014 do hai tờ này đã được giao kết trước khi kết hội ngày 09/3/2015.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Theo nội dung đơn khởi kiện, vào khoảng thời gian từ năm 2014, 2015 bà Nguyễn Thị Phương T và bà Phạm Thị Ng có giao kết với nhau nhiều dây hội. Đến khoảng tháng 3 năm 2015 (âm lịch) thì bà Ng ngưng hội, sau nhiều lần bà T thương lượng thỏa thuận với bà Ng thì bà Ng có làm giấy kết hội và nhận nợ với bà T. Bà Ng không thực hiện đúng thỏa thuận là có nghĩa vụ hoàn lại cho bà T số tiền còn nợ là 358.550.000 đồng, bà T khởi kiện yêu cầu bà Ng phải hoàn trả số tiền hội bà đã đóng cho bà Ng, yêu cầu khởi kiện của bà T là tranh chấp hội được xem xét theo quy định tại Điều 479 Bộ luật dân sự năm 2005, Nghị định 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006 của Chính Phủ và Khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Theo biên bản xác minh ngày 05/7/2017 và ngày 28/7/2017 thì tại thời điểm bà T khởi kiện, bị đơn bà Phạm Thị Ng đã bán căn nhà theo địa chỉ đã giao dịch hui với bà T tại ấp Phú Hào, xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Hội đồng xét thấy, bà Ng đã ghi rõ địa chỉ nơi cư trú của mình khi thực hiện giao dịch với bà T việc bà Ng bán nhà chuyển chỗ ở khác mà không thông báo với bà T là vi phạm trong giao kết hợp đồng, Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre đã niêm yết công khai các văn bản tố tụng tại UBND xã Phú Hưng, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, và hướng dẫn tại điểm a, khoản 2, Điều 6 của Nghị quyết 04/2017/NQ-HĐTP ngày 05/5/2017 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bà Phạm Thị Ng.

[3] Nội dung tranh chấp: Theo lời khai của bà T tại phiên tòa, bà và bà Phạm Thị Ng có giao dịch nhiều dây hui, tổng số tiền bà Ng còn nợ bà T là 358.550.000 đồng.

[4] Xét yêu cầu của bà T về việc yêu cầu bà Phạm Thị Ng trả số tiền hui còn nợ là 358.550.000 đồng, chứng cứ bà T yêu cầu bà Ng trả số tiền trên là 01 tờ giấy viết tay đề ngày 9/3/2015, 01 tờ giấy mua hui và 01 tờ giấy giao hui.

Xét về hình thức, 03 tờ giấy viết tay do bà Nguyễn Thị Phương T cung cấp và theo lời khai của bà T thì cả 03 tờ giấy này do cháu bà Ng viết, có bà Ng viết và có cả bà T viết, cả 3 tờ đều có bà Ng ký tên xác nhận, viết tại quán cà phê Thiên Thanh. Hội đồng xét thấy, về hình thức giao dịch của của hai bên là phù hợp với quy định tại Điều 124 Bộ luật dân sự 2005.

Xét tờ giấy viết tay đề ngày 9/3/2015 thể hiện nội dung bà Ng còn nợ lại số tiền hui vợ chồng bà T, ông Đ số tiền là 250.000.000 đồng, theo lời trình bày của bà T thì tổng số tiền hui của 04 phần hui là 284.000.000 đồng, bà Ng có mượn thêm 1.000.000 đồng nên viết giấy nhận nợ hui với vợ chồng bà là 285.000.000 đồng. Sau khi bà Ng viết giấy nhận nợ và hứa trả dần mỗi tháng 2.500.000 đồng và đã trả được 9.000.000 đồng vợ chồng bà T đồng ý trừ đi số tiền 35.000.000 đồng như giao kết trong giấy kết hui số tiền còn lại theo tờ kết hui ngày 9/3/2015 là 241.000.000 đồng, lời trình bày của bà T phù hợp với chứng cứ mà bà đã cung cấp nên có cơ sở chấp nhận phần yêu cầu của bà T đối với số tiền 241.000.000 đồng.

Xét nội dung tờ “ giấy mua hui” ngày 13/12/2014 thể hiện bà Ng là người nhận số tiền 67.900.000 đồng và người giao số tiền trên là Cà phê Thiên Thanh, theo giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh do UBND thành phố Bến Tre cấp

ngày 09/7/2013 thì người đại diện hộ kinh doanh là bà Nguyễn Thị Phương T, do đó lời khai của bà T và ông Đ là có cơ sở để xem xét.

Đối với nội dung tờ “giấy giao hui” ngày 1/7/2014 theo lời khai của bà T không phải bà Ng là người trực tiếp viết nội dung nhưng bà Ng có ký tên xác nhận, theo nội dung tờ giao kết dòng chữ “ *chị Ng có nhận 49.650.000đồng*” là do bà Ng viết còn phần nội dung “*T có mua của chị Út 01 phần hui...*” là do chị T viết. Hội đồng xét thấy, phần yêu cầu này của chị T là không có cơ sở để chấp nhận bởi lẽ dòng chữ giải thích chị T là người mua hui là do chị T viết, xét thấy, tuy bà Ng có ghi dòng chữ nhận tiền và có ký tên nhưng tờ giấy giao hui không thể hiện được nội dung chị T là người giao cho bà Ng số tiền trên do đó không có cơ sở xem xét quyền yêu cầu của chị T đối với số tiền 49.650.000đồng.

Từ những chứng cứ do bà T cung cấp và lời khai của bà T, ông Đ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử có cơ sở khẳng định giao dịch giữa bà Nguyễn Thị Phương T và bà Phạm Thị Ng là có thật, nội dung hai bên giao kết không trái với quy định tại Điều 122 Bộ luật Dân sự 2005.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã thực hiện việc tổng đạt hợp lệ, thông báo thụ lý vụ án, các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; các thông báo kết quả phiên họp và công khai chứng cứ do bà T cung cấp. Nhưng bà Phạm Thị Ng không có ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của bà T cũng như không có yêu cầu phản tố. Căn cứ khoản 1, khoản 2, khoản 4 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, có cơ sở chấp nhận tờ nợ hui ngày 09/3/2015 và giấy mua hui ngày 13/12/2014 là chứng cứ chứng minh cho yêu cầu hợp pháp của bà Nguyễn Thị Phương T.

Hội đồng xét xử xét thấy, bà Phạm Thị Ng đã xác nhận các khoản nợ hui theo giấy nhận nợ ngày 09/3/2015 và ký nhận tiền mua hui ngày 13/12/2014 tổng số tiền là 308.900.000 thì phải có nghĩa vụ T toán nợ theo quy định tại Điều 290 Bộ luật dân sự năm 2005 và Điều 29 Nghị định 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006.

Ghi nhận bà Nguyễn Thị Phương T không yêu cầu tính lãi đối với số tiền hui bà Phạm Thị Ng còn nợ kể từ ngày xác nhận nợ cho đến ngày xét xử sơ thẩm.

Bà Phạm Thị Ng vắng mặt tại phiên tòa nên không thể đối chất với lời trình bày của bà Nguyễn Thị Phương T, bà Ng phải chịu mọi hậu quả pháp lý của việc vắng mặt.

Tại phiên tòa, bà T trình bày bà không biết rõ bà Ng có chồng hay không việc giao dịch hui bà chỉ biết một mình bà Ng, bà T không yêu cầu chồng bà Ng

phải có trách nhiệm liên đới trong việc hoàn trả số tiền nợ hụi trên cho bà nên Hội đồng xét xử không xét đến trách nhiệm liên đới của vợ chồng đối với bị đơn theo quy định tại Điều 27 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[5] Án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị Phương T không phải chịu án phí đối với phần yêu cầu được chấp nhận .

Đối với phần yêu cầu không được chấp nhận bà Nguyễn Thị Phương T phải chịu án phí theo qui định.

Căn cứ vào Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016. Buộc bà Phạm Thị Ng phải nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch số tiền án phí phải nộp là 15.445.000 đồng.

Bà Nguyễn Thị Phương T phải nộp số tiền là 2.482.000 đồng

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 688 và Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 122,124, 471,479 và 290 Bộ luật dân sự năm 2005;

Căn cứ Nghị định 144/2006/NĐ – CP ngày 27/11/2006;

Căn cứ Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Cụ thể tuyên:

1. Bác một phần yêu cầu của bà Nguyễn Thị Phương T đối với yêu cầu buộc bà Phạm Thị Ng phải trả cho bà T số tiền mua hụi là 49.650.000 (*bốn mươi chín triệu sáu trăm năm mươi ngàn đồng*)

2. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Phương T

Buộc bà Phạm Thị Ng có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị Phương T và ông Trần Văn Đ số tiền nợ hụi là 308.900.000 (*ba trăm lẻ tám triệu chín trăm ngàn đồng*)

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Buộc bà Phạm Thị Ng phải nộp số tiền là 15.445.000 đồng (*mười lăm triệu bốn trăm bốn mươi lăm ngàn đồng*).

Bà Nguyễn Thị Phương T phải chịu số tiền án phí là 2.482.000đồng (*hai triệu bốn trăm tám mươi hai ngàn đồng*) nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 9.814.000 đồng (*chín triệu tám trăm mười bốn ngàn đồng*) theo biên lai thu số 0010327 ngày 13 tháng 3 năm 2017 của chi Cục thi hành án thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre, bà T được nhận lại số tiền 7.332.000đồng (*bảy triệu ba trăm ba mươi hai ngàn đồng*)

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TP Bến Tre;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS TP Bến Tre;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Nguyễn Thanh Lan